



**BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN
NĂM 2004**

NỘI DUNG

Trang 3	Các chỉ số tài chính năm 2004
Trang 4	Diễn văn của Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Trang 5	Báo cáo tình hình hoạt động năm 2004 Phương hướng nhiệm vụ năm 2005
Trang 11	Báo cáo kiểm toán
Trang 12	Báo cáo tài chính
Trang 22	Sơ đồ tổ chức
Trang 50	Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành
Trang 53	Ngân hàng đại lý
Trang 61	Mạng lưới chi nhánh Sài Gòn Công Thương Ngân hàng

CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH NĂM 2004

Lợi nhuận ròng	67.052 triệu đồng
Tổng tài sản có	3.188.300 triệu đồng
Vốn cổ phần	303.500 triệu đồng
Tỷ suất lợi nhuận ròng trên tài sản bình quân	2,41%
Tỷ suất lợi nhuận ròng trên vốn cổ phần bình quân	26,35%

DIỄN VĂN CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông HUỖNH CAO NHẢ
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Kính thưa toàn thể Quý vị,

Sau 3 năm hoạt động, chúng ta tiến hành đánh giá hoạt động nhiệm kỳ 2002-2004, đề ra phương hướng hoạt động Ngân hàng nhiệm kỳ 2005-2007 và các chỉ tiêu thực hiện năm 2005.

Nhiệm kỳ qua, với sự nỗ lực tối đa của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc, toàn thể cán bộ công nhân viên và sự hỗ trợ góp sức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Quý vị cổ đông và khách hàng, Sài Gòn Công Thương Ngân hàng đã có những bước phát triển mạnh trên tất cả các mặt hoạt động. Hầu hết các chỉ tiêu chính đều đạt kế hoạch đề ra, mạng lưới chi nhánh được thành lập tại các địa bàn trọng điểm trong cả nước, cơ sở vật chất được đầu tư, nâng cấp, các loại hình dịch vụ ngân hàng được quan tâm khai thác, đội ngũ cán bộ công nhân viên luôn được bổ sung, tăng cường và đào tạo. Những thành tích trên đã góp phần đưa hoạt động Sài Gòn Công Thương Ngân hàng ngày càng an toàn và hiệu quả.

Bước vào thời kỳ hội nhập trong những năm tới, sự cạnh tranh sẽ diễn ra vô cùng gay gắt, đòi hỏi Sài Gòn Công Thương Ngân hàng phải có một nội lực mạnh mẽ và những quyết sách đúng đắn để có thể tồn tại và phát triển.

Những vấn đề còn tồn tại như đầu tư công nghệ, hiện đại hóa ngân hàng, mở rộng các loại hình dịch vụ, mở rộng mạng lưới chi nhánh, chính sách về nguồn nhân lực, tăng cường đội ngũ lãnh đạo ... cần phải được tập trung giải quyết để tăng thêm thế và lực cho Ngân hàng.

Chúng tôi mong rằng toàn thể Quý vị cổ đông và khách hàng sẽ góp sức cùng với Ban lãnh đạo Ngân hàng và toàn thể cán bộ công nhân viên để xây dựng Sài Gòn Công Thương Ngân hàng ngày càng phát triển lớn mạnh về mọi mặt.

Xin chân thành cảm ơn toàn thể Quý vị.

Tháng 3 năm 2005

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Huỳnh Cao Nhã

BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2004 PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2005

I. ĐÁNH GIÁ MÔI TRƯỜNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2004:

1. Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam trong năm 2004: 7,7%.

Thành tựu kinh tế này đã được Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) đánh giá cao bởi nó đạt được trong sự biến động bất lợi của môi trường kinh tế cả trong và ngoài nước, là kết quả của việc thực hiện các chính sách kinh tế vĩ mô lành mạnh và phù hợp với điều kiện thực tế với sự đóng góp của các yếu tố như: xuất khẩu, đầu tư nước ngoài, đầu tư và tiêu dùng trong nước.

2. Các thành phần kinh tế đã có những bước tiến và phát huy năng lực trong sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước nhất là trong việc đổi mới, sắp xếp, cổ phần hóa DNNN và phát triển kinh tế tư nhân.

Ngoài ra, bên cạnh thị trường hàng hóa và dịch vụ tiếp tục phát triển, sự phát triển của các thị trường tài chính, lao động, đất đai đã tạo sự đa dạng trong vận hành của nền kinh tế thị trường.

3. Cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch tích cực theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Công nghiệp đạt nhịp độ tăng trưởng cao và chiếm tỷ trọng 39,5% GDP, dịch vụ phát triển đạt tỷ trọng 38,3% GDP.

4. Hoạt động kinh tế đối ngoại và hội nhập kinh tế quốc tế được đẩy mạnh hơn. Tổng kim ngạch xuất khẩu đã chiếm hơn 50% GDP, nguồn vốn ODA liên tục tăng qua các năm, đầu tư trực tiếp của nước ngoài (FDI) chiếm khoảng 1/3 tổng vốn đầu tư và tạo ra khoảng 27-28% GDP.

5. Chỉ số giá tiêu dùng tăng đột biến trong năm 2004 (9,5%) và là mức tăng giá cao nhất so với các năm trước (năm 2002: 3,72%, năm 2003: 3,97%).

6. Hoạt động Ngân hàng năm 2004:

- Chính sách tiền tệ được NHNN điều chỉnh linh hoạt nhằm ổn định sức mua đối nội và đối ngoại của đồng tiền Việt Nam thông qua công cụ lãi suất, dự trữ bắt buộc.

- Bổ sung, hoàn thiện cơ chế tín dụng, nâng cao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức tín dụng trong xem xét quyết định cho vay, kiểm tra, giám sát vốn vay để mở rộng tín dụng có hiệu quả và bảo đảm an toàn vốn.

- Tiếp tục thực hiện việc cơ cấu lại hệ thống ngân hàng, trong đó chú trọng việc cổ phần hóa ngân hàng thương mại nhà nước; chấn chỉnh, củng cố và sắp xếp lại hệ thống NHTMCP.

- Thực hiện các biện pháp nâng cao chất lượng hoạt động tín dụng, ngăn ngừa, hạn chế rủi ro như: kiểm tra quy trình, thủ tục cấp tín dụng; rà soát, đánh giá phân loại nợ; bổ sung, chỉnh sửa hệ thống văn bản quản lý nội bộ.

- Tăng cường hội nhập quốc tế trong lĩnh vực Ngân hàng, xúc tiến các công việc liên quan để chuẩn bị cho Việt Nam gia nhập WTO, đàm phán thành công nhiều thỏa thuận song phương với các nước trong lĩnh vực Ngân hàng, chủ động khai thác sự trợ giúp kỹ thuật của Chính phủ, Ngân hàng Trung ương các nước.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SÀI GÒN CÔNG THƯƠNG NGÂN HÀNG NĂM 2004:

1. Nguồn vốn hoạt động: đến 31/12/2004, tổng nguồn vốn hoạt động là 3.188,30 tỷ đồng, tăng 46,72% so với cuối năm 2003. Chi tiết như sau:

1.1. Vốn điều lệ: 303,50 tỷ đồng, tăng 21,40% so với cuối năm 2003.

1.2. Vốn huy động: 2.631,24 tỷ đồng tăng 54,55% so với cuối năm 2003.

2. Hoạt động tín dụng: đến 31/12/2004 dư nợ cho vay đạt 2.624,99 tỷ đồng, tăng 52,48% so với cuối năm 2003. Chi tiết hoạt động tín dụng như sau:

2.1. Cho vay trong hạn: 2.614,24 tỷ đồng, tăng 52,42% so với cuối năm 2003.

2.2. Nợ quá hạn: 10,75 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 0,41% trên tổng dư nợ.

2.3. Đánh giá hoạt động tín dụng năm 2004: có 4 nét nổi bật sau:

2.3.1. Chất lượng tín dụng được nâng lên, cho vay có tài sản đảm bảo, thu lãi kịp thời và đầy đủ, nợ quá hạn mới phát sinh không đáng kể.

2.3.2. Tốc độ tăng trưởng hoạt động tín dụng cao, bảo đảm an toàn, đạt hiệu quả.

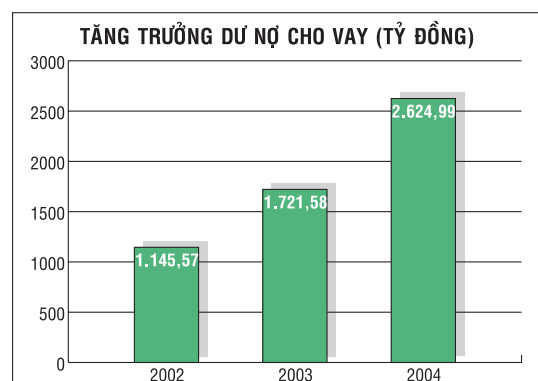
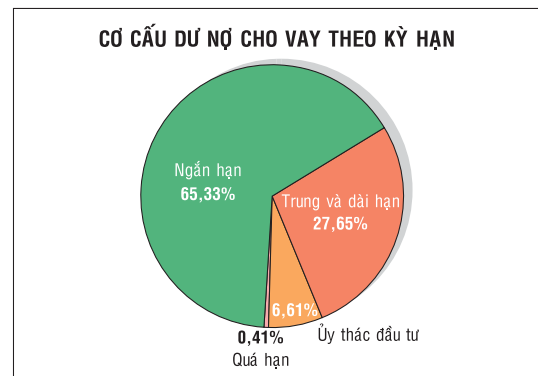
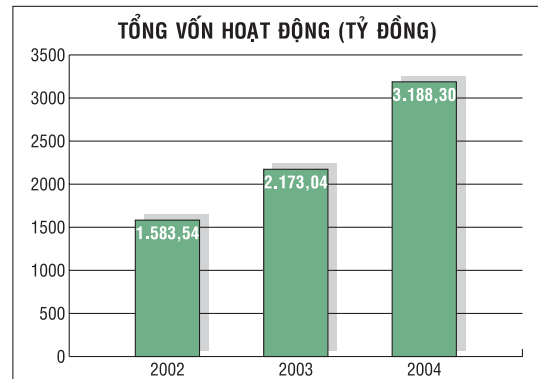
2.3.3. Nhờ nghiên cứu kỹ các phương án kinh doanh của khách hàng nên đầu tư đúng mức vừa giúp khách hàng vượt qua khó khăn, vừa xây dựng được nhiều khách hàng lớn kinh doanh có hiệu quả và gắn bó với ngân hàng.

2.3.4. Tham gia Dự án Tài chính Nông thôn II (TCNT II) của Ngân hàng Thế giới (WB): trong quá trình thực hiện, Sài Gòn Công Thương Ngân hàng được Ban Quản lý Dự án, WB đánh giá tốt, tạo được uy tín với Ngân hàng Thế giới và đến 31/12/2004 dư nợ cho vay theo Dự án là 138,50 tỷ đồng.

3. Hoạt động dịch vụ:

3.1. Hoạt động thanh toán đối ngoại: doanh số thanh toán đối ngoại năm 2004 là 246,48 triệu USD, gồm: thanh toán mậu dịch: 234,87 triệu USD, thanh toán phi mậu dịch: 11,61 triệu USD.

3.2. Hoạt động kinh doanh ngoại tệ: tổng doanh số mua bán ngoại tệ năm 2004 là 906 triệu USD. Việc kinh doanh ngoại tệ được thực hiện bằng nhiều phương thức linh hoạt để bảo đảm nguồn ngoại tệ cung ứng thanh toán XNK, hiệu quả hoạt động và các tỷ lệ an toàn theo quy định quản lý ngoại hối của NHNNVN.



3.3. Hoạt động thẻ đa năng Sài Gòn Công Thương Ngân hàng:

Năm 2004, Sài Gòn Công Thương Ngân hàng đã thực hiện việc phát hành thẻ đa năng Saigon BankCard, lắp đặt 33 máy ATM và hơn 150 máy POS tại các siêu thị, chợ, doanh nghiệp, các Chi nhánh Ngân hàng... Đến 31/12/2004, Sài Gòn Công Thương Ngân hàng đã phát hành 14.520 thẻ với số dư tài khoản thẻ là 9,41 tỷ đồng và đã ký hợp đồng chi lương qua thẻ với 7 đơn vị khách hàng.

Công nghệ thẻ Saigon BankCard và hệ thống ATM của Sài Gòn Công Thương Ngân hàng được đánh giá là công nghệ tiên tiến, đáp ứng được nhu cầu của người sử dụng thẻ, đặc biệt là chức năng gửi tiền qua máy ATM nên triển vọng phát triển thẻ Saigon BankCard là rất lớn trong thời gian tới.

Ngoài ra, đầu năm 2005, Sài Gòn Công Thương Ngân hàng đã kết nối với Ngân hàng Đông Á hình thành hệ thống VNBC (Vietnam BankCard), qua đó đã tạo điều kiện phục vụ tốt hơn cho khách hàng trong tiếp cận và sử dụng các tiện ích ngân hàng.

3.4. Hoạt động ngân quỹ và thanh toán trong nước: tổng doanh số thanh toán trong năm 2004 là 208,01 ngàn tỷ đồng. Toàn hệ thống đã bảo đảm an toàn hoạt động ngân quỹ, thanh toán và đáp ứng kịp thời các yêu cầu khách hàng, tăng uy tín trong hoạt động thanh toán của ngân hàng.

4. Góp vốn liên doanh: đến 31/12/2004, Sài Gòn Công Thương Ngân hàng đã góp vốn liên doanh 16 tỷ đồng tại Ngân hàng Gia Định, Khách sạn Hạ Long và Công ty Chuyển mạch Tài chính Quốc gia.

5. Đầu tư tài chính: đến 31/12/2004, Sài Gòn Công Thương Ngân hàng đã đầu tư mua tín phiếu, trái phiếu NHNN, Kho bạc Nhà nước 100,50 tỷ đồng.

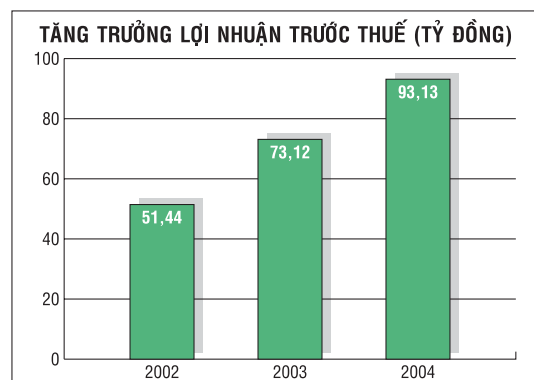
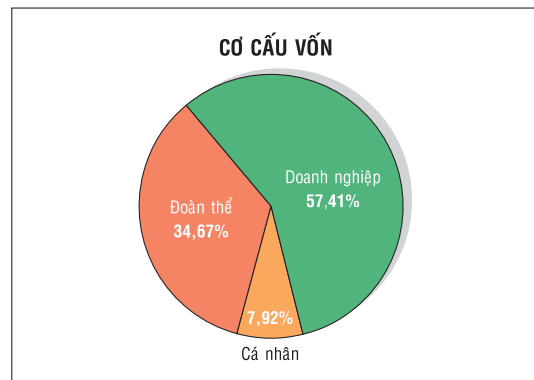
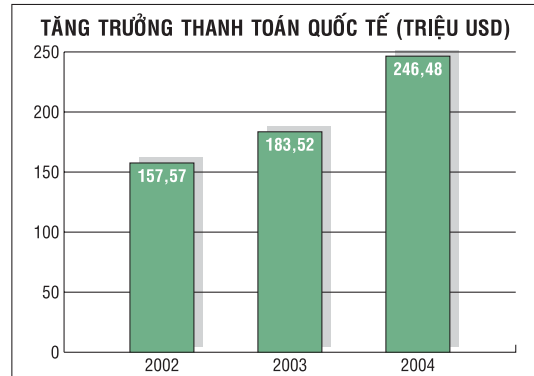
6. Mạng lưới hoạt động: năm 2004, Sài Gòn Công Thương Ngân hàng đã thành lập 4 CN cấp II (Tân Phú, Kỳ Hoà, Gò Vấp, Phú Thọ) tại TP.HCM.

7. Hoạt động các Chi nhánh (CN):

7.1. Tổng vốn huy động của các CN: 1.476,81 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 56,13% toàn hệ thống, tăng 41,46% so với cuối năm 2003.

7.2. Tổng dư nợ cho vay của các CN: 1.731,65 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 65,97% toàn hệ thống, tăng 73,98% so với cuối năm 2003, trong đó:

- Cho vay trong hạn: 1.728,57 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 66,12% trên tổng cho vay toàn hệ thống, tăng 74,11% so với cuối năm 2003.



- Nợ quá hạn: 3,08 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 28,65% trên tổng nợ quá hạn toàn hệ thống, giảm 0,59 tỷ đồng so với cuối năm 2003.

7.3. Kết quả kinh doanh: năm 2004, lợi nhuận của các CN là 30,10 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 32,32% lợi nhuận toàn hệ thống năm 2004.

Nhìn chung, hoạt động các CN có sự tăng trưởng trên các mặt hoạt động, các chỉ tiêu huy động, cho vay đều thực hiện đạt và vượt kế hoạch, hoạt động có lãi và phát triển ổn định.

8. Công tác xã hội từ thiện: Năm 2004, từ nguồn trích 1 ngày lương/1 quý của CBCNV, Sài Gòn Công Thương Ngân hàng đã ủng hộ công tác từ thiện 340 triệu đồng để xây dựng nhà tình nghĩa, ủng hộ bệnh nhân nghèo, trẻ em tàn tật, nạn nhân chất độc màu da cam, xây dựng trường học ở Ninh Thuận.

9. Công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ: tiến hành kiểm tra định kỳ hoạt động toàn hệ thống. Sau khi kiểm tra, Phòng Kiểm tra - Pháp chế đã kiến nghị các giải pháp chấn chỉnh thiếu sót của các đơn vị nhằm bảo đảm an toàn, hiệu quả hoạt động trong toàn hệ thống.

10. Công tác tổ chức nhân sự:

Nhằm phát triển mở rộng mạng lưới hoạt động, trong năm 2004 Sài Gòn Công Thương Ngân hàng đã tuyển dụng 130 người để bổ sung theo nhu cầu các Phòng Hội sở, các CN và cử 102 cán bộ điều hành, nhân viên thừa hành tham gia các khóa đào tạo trong và ngoài nước để nâng cao trình độ nghiệp vụ, chuẩn bị cho giai đoạn phát triển, hội nhập trong thời gian tới.

11. Kết quả kinh doanh:

Năm 2004, Sài Gòn Công Thương Ngân hàng có doanh thu là 342,41 tỷ đồng, chi phí là 249,28 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế là 93,13 tỷ đồng, đạt 124,17% chỉ tiêu kế hoạch năm 2004 (93,13 tỷ/75 tỷ).

Tóm lại, với sự nỗ lực vượt bậc và tinh thần trách nhiệm cao, dám nghĩ dám làm, tập thể lãnh đạo và CBCNV Sài Gòn Công Thương Ngân hàng đã đạt và vượt các chỉ tiêu chủ yếu năm 2004 như sau:

1. Tốc độ tăng trưởng hoạt động cao trong năm 2004 (46,72%/năm).

2. Đạt và vượt 5 chỉ tiêu chủ yếu trên 7 chỉ tiêu kế hoạch năm 2004. Các chỉ tiêu đã hoàn thành vượt mức là: vốn huy động, dư nợ cho vay, nợ quá hạn, lợi nhuận, cổ tức.

3. Có bước phát triển mới về công nghệ ngân hàng: một số sản phẩm mới như Phone banking, thẻ đa năng Saigon BankCard, ATM đã được đưa vào hoạt động và được khách hàng hoan nghênh, tạo điều kiện thuận lợi cho việc hiện đại hóa ngân hàng tiếp theo.

4. Hoạt động kinh doanh bảo đảm an toàn, trong tầm kiểm soát và đạt hiệu quả cao.



Dây chuyền sản xuất do Sài Gòn Công Thương Ngân hàng tài trợ.

III. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ KINH DOANH NĂM 2005:

A. Phân tích, dự báo môi trường hoạt động hệ thống Ngân hàng năm 2005:

Một số dự báo về tình hình hoạt động thị trường tiền tệ và kinh doanh ngân hàng năm 2005:

1. Nhu cầu vốn tín dụng tiếp tục tăng cao để đáp ứng yêu cầu của hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng. Đây là điều kiện thuận lợi để các TCTD mở rộng và tăng trưởng hoạt động tín dụng năm 2005.
2. Giá cả hàng hóa tiếp tục tăng trong năm 2005. Đây là áp lực đối với lãi suất trên thị trường tiền tệ và trong mối quan hệ giá cả-lạm phát-lãi suất.
3. Đầu tư vào sản xuất kinh doanh và gửi tiền tiết kiệm vào ngân hàng sẽ tiếp tục là lựa chọn tích cực bởi khả năng sinh lời và mức độ an toàn so với các hình thức đầu tư khác. Đây là cơ hội cho các TCTD huy động nguồn vốn trong nước để phát triển, mở rộng nghiệp vụ.

Một số giải pháp dự kiến NHNN sẽ áp dụng trong năm 2005:

1. Tiếp tục thực hiện chính sách tiền tệ thận trọng, phù hợp với biến động thị trường thông qua việc sử dụng hiệu quả các công cụ chính sách tiền tệ nhằm kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.
2. Đáp ứng kịp thời các nhu cầu vốn của nền kinh tế trên cơ sở bảo đảm an toàn, hiệu quả và nâng cao chất lượng tín dụng trong đó NHNN sẽ đưa một số giải pháp để kiểm soát mức tăng trưởng tín dụng, bảo đảm mức tăng trưởng năm 2005 không quá 25% so với năm 2004.
3. Triển khai Nghị định của Chính phủ về thanh toán không dùng tiền mặt, nâng cao chất lượng các dịch vụ thanh toán và phát triển các dịch vụ, tiện ích Ngân hàng hiện đại nhằm hạn chế thanh toán bằng tiền mặt.
4. Đẩy mạnh việc cơ cấu lại các TCTD, nâng cao toàn diện sức cạnh tranh của hệ thống ngân hàng Việt Nam để chủ động hội nhập quốc tế.

B. Chỉ tiêu, phương hướng hoạt động của Sài Gòn Công Thương Ngân hàng năm 2005:

Từ những phân tích, đánh giá môi trường hoạt động trong thời gian tới, chúng tôi dự kiến chỉ tiêu hoạt động của Sài Gòn Công Thương Ngân hàng năm 2005 như sau:

1. **Vốn điều lệ:** 400 tỷ đồng.
2. **Vốn huy động:** 3.432 tỷ đồng (tăng 30% so với năm 2004).
3. **Tổng dư nợ cho vay:** 3.170 tỷ đồng (tăng 21% so với năm 2004).
4. **Nợ quá hạn:** hạn chế tối đa nợ quá hạn mới phát sinh, khống chế mức nợ quá hạn dưới 1% trên tổng dư nợ.



Trao tặng nhà tình nghĩa với sự hiện diện của Ông Nguyễn Minh Triết, Bí thư Thành ủy (thứ 4 từ phải sang, hàng sau) và Ông Dương Xuân Minh, Tổng Giám đốc Sài Gòn Công Thương Ngân hàng (thứ 3 từ phải sang, hàng sau).

5. Hoạt động dịch vụ: tăng doanh số hoạt động thanh toán XNK, thẻ quốc tế, kiều hối, thẻ đa năng Sài Gòn Công Thương Ngân hàng... phần đầu nâng dần tỷ trọng thu nhập từ dịch vụ chiếm từ 20-30% trên tổng thu nhập Sài Gòn Công Thương Ngân hàng tính đến cuối năm 2007.

6. Mạng lưới hoạt động: dự kiến thành lập 6 CN cấp I tại Bình Dương, Đồng Nai, Cà Mau, Nha Trang hoặc Quy Nhơn, Hải Phòng hoặc Quảng Ninh, TP.HCM, 3 CN cấp II tại Cần Thơ và TP.HCM, 2 CN cấp II tại Hà Nội và một số CN khác tùy tình hình thực tế trong năm.

7. Kết quả kinh doanh: 95 tỷ đồng.

8. Các biện pháp cơ bản để thực hiện:

8.1. Các biện pháp nghiệp vụ:

- Phát hành cổ phiếu Sài Gòn Công Thương Ngân hàng trong phạm vi cổ đông trong nước, trong đó ưu tiên phát hành cho cổ đông cũ.
- Đa dạng kênh phân phối, sản phẩm huy động kèm theo các chính sách khuyến mãi thích hợp.
- Nghiên cứu áp dụng cơ chế giao dịch “một cửa” để đổi mới phong cách phục vụ khách hàng.
- Phân loại khách hàng và áp dụng các chính sách ưu đãi theo từng đối tượng khách hàng.
- Chuyển đổi danh mục tài sản có để bảo đảm khả năng thanh khoản, phòng tránh rủi ro và bảo đảm hiệu quả trong hoạt động.
- Nghiên cứu thành lập Công ty Chứng khoán khi đủ điều kiện; nghiên cứu xây dựng kế hoạch kinh doanh bảo hiểm, phát triển các dịch vụ ngân hàng điện tử, bao thanh toán,...

8.2. Đầu tư đổi mới hệ thống công nghệ ngân hàng: đáp ứng yêu cầu cạnh tranh và phát triển trong thời gian tới.

8.3. Đào tạo bồi dưỡng nguồn nhân lực: đủ năng lực, trình độ để đáp ứng yêu cầu đổi mới, phát triển trong thời gian tới, trong đó chú trọng việc đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ trong và ngoài nước đối với đội ngũ cán bộ khung và quy hoạch kế thừa.



Một phiên họp của lãnh đạo Sài Gòn Công Thương Ngân hàng.



CÔNG TY KIỂM TOÁN & DỊCH VỤ TIN HỌC

Auditing & Informatics Services Company

Office: 142 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
Tel: (84-8) 9305163 (10 lines) Fax: (84-8) 9304281
Email: aisc@hcm.vnn.vn

Số: 1204409/AISC-DN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH NIÊN ĐỘ 2004 NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN SÀI GÒN CÔNG THƯƠNG

**Kính gửi: QUÍ VỊ CỔ ĐÔNG,
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
NGÂN HÀNG TMCP SÀI GÒN CÔNG THƯƠNG**

1. Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính gồm: Bảng Cân đối Tài khoản năm 2004, Bảng Cân đối Kế toán ngày 31/12/2004, Báo cáo Kết quả Kinh doanh năm 2004, Báo cáo Lưu chuyển Tiền tệ năm 2004 và Thuyết minh các Báo cáo Tài chính năm 2004 của Quý Ngân hàng được trình bày từ trang 12 đến trang 21.

Việc lập, soạn thảo và trình bày các Báo cáo Tài chính này thuộc về trách nhiệm của Quý Ngân hàng. Trách nhiệm của kiểm toán viên là căn cứ vào việc kiểm toán để hình thành một ý kiến độc lập về các báo cáo này.

2. Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm toán theo những Quy định của Nhà nước Việt Nam về Chế độ Kế toán và Kiểm toán, phù hợp với các Chuẩn mực Kiểm Toán Việt Nam và các Tiêu chuẩn Kiểm toán Quốc tế cùng với những thông lệ kiểm toán được Nhà nước Việt Nam chấp nhận.

Trên căn bản áp dụng những thử nghiệm cần thiết, kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu, cuộc kiểm toán bao gồm việc xem xét các chứng cứ liên quan đến các số liệu và các công bố trên các báo cáo tài chính nói trên. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá về sự tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán mà Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Công Thương đăng ký sử dụng, về các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, về việc soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính. Đồng thời, cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá về những ước lượng và những ý kiến quan trọng đã được thể hiện bởi Ban Tổng Giám Đốc của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Công Thương.

Chúng tôi đã lập kế hoạch và hoàn thành cuộc kiểm toán để đạt được tất cả các thông tin và các giải trình cần thiết nhằm cung cấp cho chúng tôi đầy đủ chứng cứ để đảm bảo rằng các báo cáo tài chính nêu trên tránh được các sai sót trọng yếu. Chúng tôi tin rằng việc kiểm toán đã cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

3. Ý kiến của Kiểm Toán Viên

Theo quan điểm của chúng tôi, xét trên mọi phương diện trọng yếu, các báo cáo tài chính nói trên đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại thời điểm 31/12/2004, kết quả kinh doanh cũng như các dòng lưu chuyển tiền tệ của niên độ 2004 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Công Thương.

Các báo cáo tài chính này đã được soạn thảo và trình bày phù hợp theo Hệ thống Kế toán Việt Nam ngành Ngân hàng ban hành theo Quyết định 435/1998/QĐ – NHNN2 ngày 25 tháng 12 năm 1998 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Kiểm toán viên

Võ Hồng Quân

Chứng chỉ kiểm toán viên
Số: Đ 0204/KTV
Do Bộ Tài Chính Việt Nam cấp.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 1 năm 2005

Giám Đốc AISC



Nguyễn Hữu Trí

Chứng chỉ kiểm toán viên
Số: 0476/KTV
Do Bộ Tài Chính Việt Nam cấp.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2004

Đơn vị tính: Triệu VND

TÀI SẢN	2003	2004
I. TIỀN MẶT TẠI QUỸ	20.948	32.435
II. TIỀN GỬI TẠI NHNN	33.187	42.380
III. TIỀN GỬI TẠI CÁC TCTD TRONG NƯỚC VÀ NƯỚC NGOÀI	128.570	187.652
IV. CHO VAY CÁC TCTD KHÁC		
- Cho vay các TCTD khác	14.434	10.094
- Dự phòng phải thu khó đòi	-	-
V. CHO VAY CÁC TCKT, CÁ NHÂN TRONG NƯỚC		
- Cho vay các TCKT, cá nhân trong nước	1.707.141	2.614.897
- Dự phòng phải thu khó đòi	(2.772)	(3.756)
VI. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ		
1. Đầu tư vào chứng khoán		
- Đầu tư vào chứng khoán	86.451	100.500
- Dự phòng giảm giá chứng khoán	(8)	-
2. Góp vốn liên doanh, mua cổ phần	14.000	16.000
VII. TÀI SẢN		
1. Tài sản cố định		
- Nguyên giá TSCĐ	124.942	157.683
- Hao mòn TSCĐ	(24.578)	(30.987)
2. Tài sản khác	323	337
VIII. TÀI SẢN CÓ KHÁC		
1. Các khoản phải thu	70.398	56.436
2. Các khoản lãi cộng dồn dự thu	-	4.629
3. Tài sản có khác	-	-
4. Các khoản dự phòng rủi ro khác	-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	2.173.036	3.188.300

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tt.)

Ngày 31 tháng 12 năm 2004

Đơn vị tính: Triệu VND

NGUỒN VỐN	2003	2004
I. TIỀN GỬI CỦA KBNN VÀ CÁC TCTD KHÁC		
1. Tiền gửi của KBNN	-	-
2. Tiền gửi của TCTD khác	175.163	421.219
II. VAY NHNN, TCTD KHÁC		
1. Vay NHNN	-	31.000
2. Vay TCTD trong nước	-	75.778
3. Vay TCTD ở nước ngoài	-	-
4. Nhận vốn cho vay đồng tài trợ	-	-
III. TIỀN GỬI CỦA TCKT, DÂN CƯ	1.477.306	1.964.739
IV. VỐN TÀI TRỢ ỦY THÁC ĐẦU TƯ	50.000	138.499
V. PHÁT HÀNH GIẤY TỜ CÓ GIÁ	-	-
VI. TÀI SẢN NỢ KHÁC		
1. Các khoản phải trả	84.106	61.603
2. Các khoản lãi cộng dồn dự trả	-	19.400
3. Tài sản nợ khác	-	-
VII. VỐN VÀ CÁC QUỸ		
1. Vốn các TCTD		
- Vốn điều lệ	250.000	303.500
- Vốn đầu tư XDCB	18.282	18.282
- Vốn khác	8.234	8.234
2. Quỹ TCTD	36.826	52.918
3. Lãi/Lỗ	73.119	93.128
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	2.173.036	3.188.300

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tt.)

Ngày 31 tháng 12 năm 2004

CÁC CHỈ TIÊU NGOẠI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: Triệu VND

CHỈ TIÊU	2003	2004
1. Tiền không có giá trị lưu hành	3	6
2. Chứng từ có giá trị bằng ngoại tệ	30.012	57.734
3. Cam kết bảo lãnh cho khách hàng	199.854	153.135
4. Cam kết bán ngoại tệ có kỳ hạn	-	3.621
5. Lãi cho vay chưa thu được bằng đồng Việt Nam	36.690	35.513
6. Lãi cho vay chưa thu được bằng đồng ngoại tệ	1.832	1.842
7. Nợ bị tổn thất trong thời gian theo dõi	88.886	98.102
8. Tài sản thế chấp, cầm đồ của khách hàng	2.772.564	4.386.002
9. Tài sản gán xiết nợ chờ xử lý	63.914	64.546
10. Các giấy tờ có giá của khách hàng đưa cầm	2.327	3.208
11. Các chứng từ có giá trị khác đang bảo quản	174.440	134.067
TỔNG CỘNG	3.370.522	4.937.776

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2004

PHẦN I - LÃI, LỖ

Đơn vị tính: Triệu VND

CÁC CHỈ TIÊU	2003	2004
I. THU TỪ LÃI		
1. Thu lãi cho vay	181.840	284.951
2. Thu lãi tiền gửi	7.331	5.538
3. Thu lãi góp vốn, mua cổ phần	506	162
4. Thu từ nghiệp vụ cho thuê tài chính	-	-
5. Thu khác về hoạt động tín dụng	23	40
Tổng thu tiền lãi và các khoản thu nhập có tính chất lãi	189.700	290.691
II. CHI TRẢ LÃI		
1. Chi trả lãi tiền gửi	66.438	123.348
2. Chi trả lãi tiền đi vay	45.253	65.099
3. Chi trả lãi phát hành giấy tờ có giá	-	-
Tổng chi trả lãi	111.691	188.447
III. THU NHẬP TỪ LÃI (THU NHẬP LÃI RÒNG)	78.009	102.244
IV. THU NGOÀI LÃI		
1. Thu từ nghiệp vụ bảo lãnh	187	190
2. Thu phí dịch vụ thanh toán và ngân quỹ	9.563	13.844
3. Thu từ tham gia thị trường ngoại tệ	2.489	9.623
4. Lãi từ kinh doanh ngoại hối	2.461	2.062
5. Thu từ nghiệp vụ ủy thác và đại lý	39	141
6. Thu từ các dịch vụ khác	18.021	23.943
7. Các khoản thu nhập bất thường	2.310	1.875
Tổng thu ngoài lãi	35.070	51.678

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH (tt.)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2004

PHẦN I - LÃI, LỖ (tt.)

Đơn vị tính: Triệu VND

CÁC CHỈ TIÊU	2003	2004
V. CHI PHÍ NGOÀI LÃI		
1. Chi khác về hoạt động huy động vốn	171	90
2. Chi về dịch vụ thanh toán và ngân quỹ	3.099	3.510
3. Chi về tham gia thị trường ngoại tệ	566	-
4. Lỗ từ kinh doanh ngoại hối	-	-
5. Chi về hoạt động khác	-	-
6. Chi nộp thuế	357	570
7. Chi nộp các khoản phí, lệ phí	220	173
8. Chi phí cho nhân viên	15.473	19.724
9. Chi hoạt động quản lý và công cụ	6.723	9.503
10. Chi khấu hao cơ bản TSCĐ	5.240	7.831
11. Chi khác về tài sản	3.066	6.329
12. Chi dự phòng	4.209	11.789
13. Chi nộp phí bảo hiểm, bảo toàn tiền gửi của khách hàng, chi bồi thường BHTG	836	1.232
14. Chi bất thường	-	43
Tổng chi phí ngoài lãi	39.960	60.794
VI. THU NHẬP NGOÀI LÃI	(4.890)	(9.116)
VII. THU NHẬP TRƯỚC THUẾ	73.119	93.128
VIII. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP	23.398	26.076
IX. THU NHẬP SAU THUẾ	49.721	67.052

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH (tt.)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2004

PHẦN II - TÌNH HÌNH THỰC HIỆN VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: Triệu VND

CHỈ TIÊU	2003	Số phải nộp	Số đã nộp	2004
THUẾ	-3.319	25.276	39.780	-17.822
1. Thuế VAT	5.321	1.373	6.637	58
2. Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-	-	-
3. Thuế xuất nhập khẩu	-	330	330	-
4. Thuế thu nhập	-8.640	23.132	32.372	-17.880
5. Thu sử dụng vốn ngân sách	-	-	-	-
6. Thuế tài nguyên	-	-	-	-
7. Thuế nhà đất	-	5	5	-
8. Tiền thuê đất	-	-	-	-
9. Các loại thuế khác	-	436	436	-

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2004

Đơn vị tính: Triệu VND

CHỈ TIÊU	2003	2004
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
1. Lợi nhuận trước thuế	73.119	93.128
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>		
- Khấu hao TSCĐ	7.669	8.016
- Dự phòng	(2.026)	975
- Lãi lỗ do thanh lý TSCĐ	(14.538)	(21.650)
- Lãi lỗ do đánh giá lại tài sản	(173)	(32)
- Lãi lỗ từ việc bán chứng khoán	461	(645)
- Thu lãi đầu tư chứng khoán	(2.389)	(8.977)
- Lãi lỗ do đầu tư vào đơn vị khác (góp vốn, mua cổ phần)	(506)	(163)
- Các điều chỉnh khác	-	-
2. Lợi nhuận KD trước những thay đổi về TS và công nợ HĐ	61.616	70.653
<i>Tăng/giảm tài sản hoạt động</i>		
- Tăng/giảm tiền gửi tại TCTD khác	-	-
- Tăng/giảm cho vay đối với TCTD khác	764	4.340
- Tăng/giảm cho vay đối với khách hàng	(576.765)	(907.755)
- Tăng/giảm lãi dự thu	-	(4.629)
- Tăng/giảm các tài sản hoạt động khác	7.711	13.948
<i>Tăng/giảm các khoản công nợ hoạt động</i>		
- Tăng/giảm tiền gửi của các TCTD khác	113.251	246.056
- Tăng/giảm tiền gửi của khách hàng	311.677	487.433
- Tăng/giảm lãi dự trả	-	19.400
- Tăng/giảm phát hành giấy tờ có giá	-	-
- Tăng/giảm vay NHNN	-	31.000
- Tăng/giảm vay TCTD khác trong nước và nước ngoài	-	75.778
- Tăng/giảm vốn tài trợ vốn ủy thác đầu tư	50.000	88.499
- Tăng/giảm khoản nhận vốn để cho vay đồng tài trợ	(3.000)	-
- Tăng/giảm các khoản công nợ hoạt động khác	51.251	(2.846)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tt.)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2004

Đơn vị tính: Triệu VND

CHỈ TIÊU	2003	2004
3. Tiền thuần từ hoạt động KD trước thuế thu nhập DN	16.506	121.875
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(20.912)	(41.011)
- Chi từ các quỹ của TCTD	(3.680)	(6.153)
4. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	(8.086)	74.710
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
- Mua TSCĐ theo nguyên giá	(102.578)	(36.748)
- Tiền thu do bán, thanh lý TSCĐ	55.940	21.650
- Tiền mua chứng khoán	(56.407)	(32.480)
- Tiền thu từ bán chứng khoán	5.344	19.721
- Thu lãi từ đầu tư chứng khoán	2.389	8.977
- Góp vốn liên doanh, mua cổ phần	-	(2.000)
- Tiền thu từ góp vốn liên doanh, mua cổ phần	60	-
- Thu lãi góp vốn mua cổ phần	506	163
- Các hoạt động đầu tư khác	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(94.746)	(20.717)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
- Tăng/giảm vốn cổ phần	68.004	53.500
- Tiền lãi đã trả cho nhà đầu tư và TCTD	(18.448)	(27.731)
- Các hoạt động tài chính khác	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	49.556	25.769
IV. LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	(53.277)	79.762
V. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ	235.982	182.706
VI. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	182.706	262.467
TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN GỒM CÓ:	-	-
- Tiền, kim loại quý, đá quý	20.948	32.435
- Tiền gửi tại Ngân Hàng Nhà Nước	33.187	42.380
- Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác	128.571	187.652

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2004

Bản thuyết minh này là bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với các báo cáo tài chính năm 2004 của Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Sài Gòn Công Thương (“Ngân hàng”).

MỘT SỐ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG

A. Tình hình tăng, giảm tài sản cố định

Đơn vị: Triệu VND

Chỉ tiêu	Đất	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	TSCĐ khác	Tổng cộng
1. Nguyên giá TSCĐ						
- Số dư đầu kỳ	-	100.380	5.089	6.123	13.350	124.942
- Số tăng trong kỳ	-	19.016	10.938	2.334	4.459	36.747
- Số giảm trong kỳ	-	-	2.023	104	1.880	4.007
- Số cuối kỳ	-	119.396	14.004	8.353	15.929	157.682
2. Giá trị hao mòn						
- Số dư đầu kỳ	-	14.288	2.218	2.340	5.732	24.578
- Số tăng trong kỳ	-	4.178	657	1.072	2.109	8.016
- Số giảm trong kỳ	-	-	703	105	800	1.608
- Số cuối kỳ	-	18.466	2.172	3.307	7.041	30.986
3. Giá trị còn lại						
- Số dư đầu kỳ	-	86.092	2.871	3.783	7.618	100.364
- Số cuối kỳ	-	100.930	11.832	5.046	8.888	126.696

B. Tình hình thu nhập của cán bộ, công nhân viên (báo cáo theo năm)

CHỈ TIÊU	Năm 2004
I. Tổng số cán bộ, công nhân viên (người)	
	466
II. Thu nhập của cán bộ, công nhân viên	
1. Tổng quỹ lương	17.306
2. Tiền thưởng	-
3. Tổng thu nhập	17.306
4. Tiền lương bình quân (người / tháng)	3,10
5. Thu nhập bình quân (người / tháng)	3,10

C. Tình hình nợ quá hạn của Tổ chức tín dụng

CHỈ TIÊU	2003	2004
I. Tổng dư nợ (TK loại 2)	1.721.575	2.624.990

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tt.)

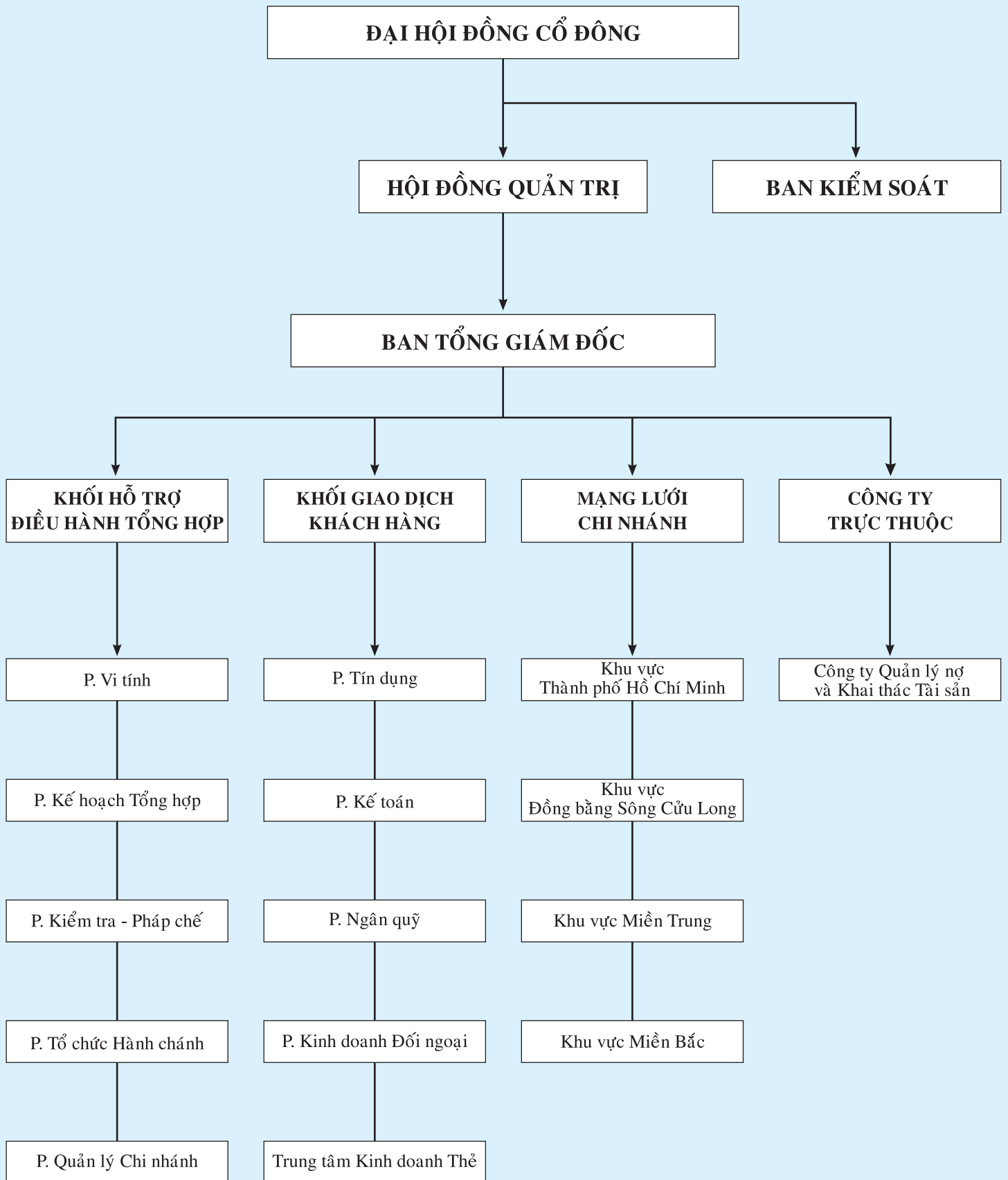
Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2004

II. Các khoản nợ cho vay quá hạn	6.458	10.745
III. Số nợ quá hạn có tài sản đảm bảo	6.458	10.745
IV. Tỷ lệ nợ quá hạn trên tổng dư nợ	0,38%	0,41%
D. Tình hình tăng, giảm nguồn vốn và sử dụng vốn		
CHỈ TIÊU	2003	2004
PHẦN A. NGUỒN VỐN	2.175.817	3.192.057
I. Vốn huy động	1.652.469	2.512.135
1. Tiền gửi	1.652.469	2.405.357
2. Tiền vay	-	106.778
II. Nguồn vốn ủy thác đầu tư	50.000	138.499
1. Bằng đồng Việt Nam	50.000	138.499
2. Bằng ngoại tệ	-	-
III. Vốn và các quỹ	313.343	382.934
1. Vốn của các TCTD	276.516	330.016
2. Các quỹ của TCTD	36.827	52.918
IV. Nguồn vốn khác	160.005	158.489
PHẦN B: SỬ DỤNG VỐN	2.175.817	3.192.057
I. Tiền và giấy tờ có giá	20.948	32.435
II. Tiền gửi	161.758	230.032
III. Đầu tư vào chứng khoán	86.451	100.500
IV. Vốn góp liên doanh, mua cổ phần	14.000	16.000
V. Hoạt động tín dụng	1.721.575	2.624.990
1. Cho vay các TCTD trong nước	14.434	10.094
2. Cho vay các TCKT và cá nhân trong nước	1.628.435	2.398.843
3. Nghiệp vụ chiết khấu, cầm cố giấy tờ có giá	6.667	41.291
4. Cho vay bằng vốn tài trợ ủy thác	70.276	173.562
5. Nghiệp vụ cầm đồ	45	-
6. Các khoản nợ chờ xử lý	518	-
7. Các khoản nợ khoanh	1.200	1.200
VI. Tài sản cố định	100.364	126.696
VII. Sử dụng vốn khác	70.721	61.404

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC

SÀI GÒN CÔNG THƯƠNG NGÂN HÀNG

(Tính đến 31.12.2004)



KHAI TRƯỞNG THẺ ĐA NĂNG SAIGON BANKCARD (10/2004)



TRIỂN LÃM THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ TÀI CHÍNH VỚI CÔNG NGHIỆP HÓA LẦN THỨ 1, HÀ NỘI, 11/2004



Ông Lê Đức Thúy, Thống đốc NHNNVN (thứ 3 từ phải sang), thăm viếng gian hàng của Sài Gòn Công Thương Ngân hàng tại triển lãm.



Lễ ký hợp đồng hợp tác kết nối hệ thống ATM/POS - VNBC Unicard.



Lễ ký hợp đồng hợp tác giữa VNBC và China UnionPay.



Một buổi làm việc với Guangzhou Radio Group (GRG).